

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Số: **4283** /SGTVT – QLGT

V/v hướng dẫn thực hiện Quyết định số 4455/QĐ-UBND ngày 21/11/2017 của UBND tỉnh trong công tác quản lý lòng đường, lề đường, vỉa hè, hành lang an toàn đường bộ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thanh Hoá, ngày **12** tháng 12 năm 2017

Kính gửi:

- Công an tỉnh;
- Các Sở: Xây dựng, Công thương, Tài nguyên và Môi trường, Thông tin và Truyền Thông, Nội vụ;
- Văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh;
- Ban Quản lý KKT tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cục Quản lý đường bộ II.

UBND tỉnh có Quyết định số 4455/QĐ-UBND ngày 21/11/2017 ban hành quy định trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan quản lý nhà nước trong công tác quản lý lòng đường, lề đường, vỉa hè, hành lang an toàn đường bộ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Để triển khai thực hiện Quyết định này có hiệu quả, Sở GTVT hướng dẫn, làm rõ một số nội dung liên quan như sau:

1. Thời gian triển khai thực hiện quyết định.

Quyết định số 4455/QĐ-UBND ngày 21/11/2017 của UBND tỉnh ban hành quy định trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan quản lý nhà nước trong công tác quản lý lòng đường, lề đường, vỉa hè, hành lang an toàn đường bộ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2018, được đăng tải trên Website: qppl.thanhhoa.gov.vn của UBND tỉnh Thanh Hóa hoặc sgtvt.thanhhoa.gov.vn của Sở GTVT.

2. Nội dung cơ bản của Quy định trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan quản lý nhà nước trong công tác quản lý lòng đường, lề đường, vỉa hè, hành lang an toàn đường bộ trên địa bàn tỉnh

1.1. Quy định này quy định về trách nhiệm và hình thức xử lý trách nhiệm đối với người đứng đầu các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác quản lý lòng đường, lề đường, vỉa hè, hành lang an toàn đường bộ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, cụ thể là Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã.

1.2. Các hành vi vi phạm lòng đường, lề đường, vỉa hè, hành lang an toàn đường bộ

- Các hành vi vi phạm lòng đường, lề đường, vỉa hè, hành lang an toàn đường bộ được nêu cụ thể tại Điều 3, Điều 4 là các hành vi vi phạm thường xảy ra.

- Ngoài các hành vi vi phạm thường xảy ra nêu trên thì còn các hành vi vi phạm khác trong công tác quản lý lòng đường, lề đường, vỉa hè, hành lang an toàn đường bộ được nêu tại Luật Giao thông đường bộ 2008; Nghị định số 46/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt; Thông tư số 04/2008/TT-BXD ngày 24/01/2008 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn quản lý đô thị; Thông tư số 16/2009/TT-BXD ngày 30/6/2009 của Bộ Xây dựng sửa đổi bổ sung Thông tư số 04/2008/TT-BXD ngày 24/01/2008; Quyết định số 909/QĐ-UBND ngày 18/3/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa và các quy định hiện hành khác được pháp luật quy định.

1.3. Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan quản lý nhà nước trong công tác quản lý lòng đường, lề đường, vỉa hè, hành lang an toàn đường bộ cụ thể là của Giám đốc Sở Giao thông vận tải được quy định tại Điều 5, Chủ tịch UBND cấp huyện quy định tại Điều 6, Chủ tịch UBND cấp xã quy định tại Điều 7.

1.4. Xử lý trách nhiệm quản lý lòng đường, lề đường, vỉa hè, hành lang an toàn đường bộ.

- Căn cứ mức độ không hoàn thành trách nhiệm quản lý lòng đường, lề đường, vỉa hè, hành lang an toàn đường bộ của Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Chủ tịch UBND cấp huyện và Chủ tịch UBND cấp xã sẽ bị xử lý trách nhiệm bằng một trong các hình thức là: Phê bình; kỷ luật khiển trách; kỷ luật cảnh cáo. Các hình thức xử lý trách nhiệm này được quy định cụ thể tại Điều 9, Điều 10 và Điều 11.

- Mức độ hoàn thành trách nhiệm trong công tác quản lý lòng lề đường, vỉa hè, hành lang an toàn đường bộ của người đứng đầu cơ quan quản lý nhà nước, thủ trưởng các ngành, các đơn vị liên quan là tiêu chí để cấp có thẩm quyền xem xét có hình thức khen thưởng, xử lý trách nhiệm, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm.

1.5. Các sở, ban, ngành liên quan thực hiện nhiệm vụ được quy định tại Chương IV, các nhiệm vụ chính là:

- Ban An toàn giao thông tỉnh thành lập các đoàn kiểm tra liên ngành kiểm tra thường kỳ hoặc đột xuất để đánh giá việc thực hiện và kiến nghị cấp thẩm quyền khen thưởng, xử lý trách nhiệm đối với Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã và người đứng đầu các đơn vị có liên quan trong công tác quản lý lòng đường, lề đường, vỉa hè, hành lang an toàn đường bộ.

- Sở Giao thông vận tải chỉ đạo Thanh tra Sở Giao thông vận tải, đơn vị quản lý đường bộ kiểm tra, xử lý các vi phạm theo thẩm quyền; hướng dẫn, phối hợp với UBND cấp huyện, cấp xã trong công tác quản lý lòng đường, lề đường, vỉa hè, hành lang an toàn đường bộ; kiến nghị UBND tỉnh và Ban An toàn giao thông tỉnh xử lý trách nhiệm Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã và các tổ chức, cá

nhân có liên quan trong công tác quản lý lòng đường, lề đường, vỉa hè, hành lang an toàn đường bộ.

- Công an tỉnh chỉ đạo Trưởng Công an cấp huyện, cấp xã kiểm tra, xử lý các vi phạm về công tác quản lý lòng đường, lề đường, vỉa hè, hành lang an toàn đường bộ theo thẩm quyền; bố trí lực lượng, phương tiện để phối hợp, hỗ trợ UBND cấp huyện đảm bảo an ninh trật tự trong thực hiện giải tỏa các vi phạm lòng đường, lề đường, vỉa hè, hành lang an toàn đường bộ.

- Sở Nội vụ phối hợp với Sở Giao thông vận tải và Văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh tổng hợp, kiến nghị UBND tỉnh về mức độ hoàn thành nhiệm vụ, thi đua khen thưởng hàng năm của người đứng đầu và tập thể các đơn vị trong công tác quản lý lòng đường, lề đường, vỉa hè, hành lang an toàn đường bộ.

- Sở Xây dựng hướng dẫn, phối hợp với UBND cấp huyện, cấp xã trong công tác quản lý lòng đường, lề đường, vỉa hè, quản lý xây dựng theo quy hoạch; phối hợp việc lập quy hoạch và triển khai xây dựng các bến xe, bãi đỗ xe, trông giữ xe; quy định các vị trí đậu, đỗ xe tạm thời trên lòng đường, lề đường, vỉa hè.

- Ban An toàn giao thông cấp huyện chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện và kiến nghị cấp thẩm quyền khen thưởng, xử lý trách nhiệm đối với Chủ tịch UBND cấp xã trong công tác quản lý lòng đường, lề đường, vỉa hè, hành lang an toàn đường bộ.

- Để thực hiện hiệu quả Quyết định số 4455/QĐ-UBND ngày 21/11/2017 của UBND tỉnh quy định trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan quản lý nhà nước trong công tác quản lý lòng đường, lề đường, vỉa hè và hành lang an toàn đường bộ trên địa bàn tỉnh, đề nghị UBND cấp huyện, cấp xã chú trọng triển khai sớm các công việc như: tuyên truyền về nội dung Quyết định số 4455/QĐ-UBND ngày 21/11/2017 của UBND tỉnh để cán bộ, nhân dân trên địa bàn được biết và chấp hành; quy hoạch, xây dựng, bố trí các bãi đỗ xe, trông giữ xe, bán hàng quán vỉa hè, họp chợ; khu dân cư, khu công nghiệp phải xây dựng đường gom; đầu nối vào đường bộ phải được cơ quan có thẩm quyền cho phép; bố trí đất để có cửa ra cho rãnh thoát nước; các đường vào nhà xây mới không được vượt cao hơn so với lề đường, phải tự xây rãnh thoát nước dọc...

3. Xác định phạm vi phần đất bảo vệ, bảo trì và hành lang an toàn đường bộ, lòng đường, vỉa hè, lề đường

- Phạm vi đất dành cho đường bộ được quy định tại Điều 14 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Giới hạn hành lang an toàn đường bộ được quy định tại Khoản 2, Điều 1 Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 13/9/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Chi tiết phạm vi phân đất bảo vệ, bảo trì và hành lang an toàn đường, lòng đường, vỉa hè, lề đường, được thể hiện theo mặt cắt ngang điển hình như phụ lục kèm theo.

4. Cơ quan quản lý đường bộ được phân cấp quản lý các tuyến đường bộ trên địa bàn tỉnh

Cơ quan quản lý đường bộ được phân cấp quản lý các tuyến Quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện như sau:

- Sở GTVT thực hiện công tác quản lý nhà nước về quản lý, bảo trì, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh; tổ chức thực hiện quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với các tuyến QL.47, QL.47B, QL.47C, QL.217, QL.217B, QL.15, QL.15C, QL.16 được Tổng cục Đường bộ Việt Nam ủy thác và các tuyến đường tỉnh được giao quản lý.

- Cục Quản lý đường bộ II tổ chức thực hiện quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với các tuyến QL.1, QL.10, QL.45, đường Nghi Sơn - Bãi Trành, đường Hồ Chí Minh.

- UBND cấp huyện tổ chức thực hiện quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với các tuyến đường tỉnh được giao quản lý, các tuyến đường đô thị, đường huyện, đường trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp, đường chuyên dùng.

- UBND cấp xã thực hiện quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với các tuyến đường xã.

(Chi tiết danh mục các tuyến đường và các cơ quan quản lý quốc lộ, đường tỉnh như phụ lục kèm theo)

5. Thẩm quyền xử phạt, thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong công tác quản lý lòng đường, lề đường, vỉa hè, hành lang an toàn đường bộ

- Các chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong công tác quản lý lòng đường, lề đường, vỉa hè, hành lang an toàn đường bộ được quy định tại các Điều 71, 72, 73 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt và các quy định hiện hành khác có liên quan; bao gồm: Chủ tịch UBND các cấp, Công an nhân dân, Thanh tra chuyên ngành.

- Các chức danh có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong công tác quản lý lòng đường, lề đường, vỉa hè, hành lang an toàn đường bộ được quy định tại các Điều 75 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt và các quy định hiện hành khác có liên quan; bao gồm: Các chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong công tác quản lý lòng đường, lề đường, vỉa hè, hành lang an toàn đường bộ được quy định tại các Điều 71, 72, 73 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP; công chức, viên chức được giao nhiệm vụ tuần kiểm đường bộ; công chức thuộc Thanh tra Sở Giao thông vận tải.

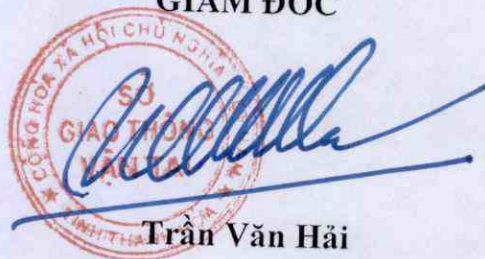
Trong quá trình thực hiện, có khó khăn vướng mắc đề nghị các ngành, địa phương phản ánh về Sở GTVT để phối hợp giải quyết và báo cáo UBND tỉnh những nội dung vượt thẩm quyền.

Sở GTVT đề nghị các ban, ngành, địa phương quan tâm triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên; *Ư.Đ.Đ*
- UBND tỉnh (b/c);
- Ban ATGT tỉnh (b/c);
- Lãnh đạo Sở (để chỉ đạo);
- Các Ban QLDA I, II, III T.Hóa (th/hiện);
- Thanh tra Sở (th/hiện);
- Các đơn vị quản lý đường bộ (th/hiện);
- Các phòng: QLGT, KHTC, QLVT, TĐKHKT, QLGTNT, QLPT&NL (th/hiện);
- Văn phòng Sở (để đăng tin);
- Lưu: VT, QLGT_(v.Tâm2b).

GIÁM ĐỐC



Trần Văn Hải

**THÔNG TIN HIỆN TRẠNG, QUY HOẠCH CÁC QUỐC LỘ, ĐƯỜNG TỈNH
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA**

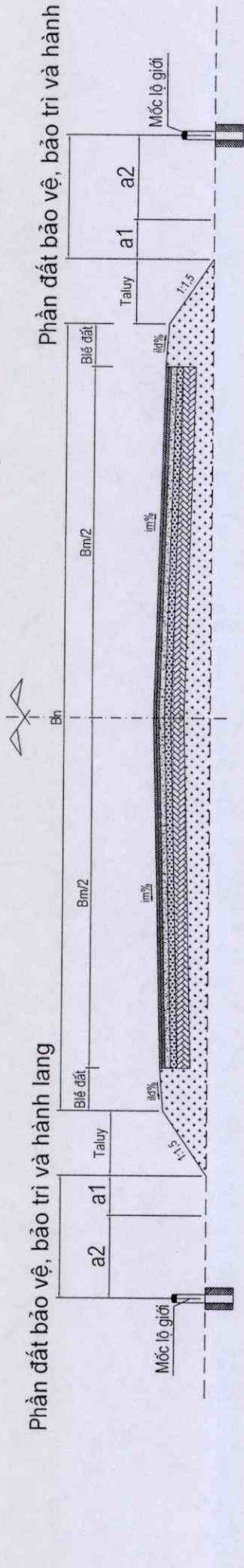
TT	Tên đường	Số hiệu	Chiều dài (Km)	Cấp đường hiện trạng	Cấp đường quy hoạch		Đơn vị quản lý	Cơ quan quản lý
					Năm 2020	Định hướng năm 2030		
A	Hệ thống Quốc lộ		1301,7					
	Cục QLĐB II		452					
1	Quốc lộ 1	QL.1	98	III	III, 4 làn xe	III, 4-6 làn xe	Công ty CP QL&XDĐB 472	Cục QLĐB II
2	Đường Hồ Chí Minh	HCM	130	III	Đường cao tốc		Công ty CP QL&XDĐB 470	
3	Quốc lộ 10	QL.10	45	V, IV	III, 2 làn xe	III, 4 làn xe	Công ty CP QL&XDĐB 472	
4	Nghi Sơn – Bãi Trành		54,5	II, III, IV	II, III	II, III		
5	Quốc lộ 45	QL.45	124,5	III, IV, V	III, 2 làn xe	III, 4 làn xe		
	Sở GTVT quản lý		849,7					
6	Quốc lộ 15	QL.15	86	V, VI	III	III	Công ty CP QLĐB II Thanh Hóa	Sở GTVT
7	Quốc lộ 47 (Km0-Km71+500)	QL.47	71,5	III, IV	II, III	II, III	Công ty CP QL&XDĐB I Thanh Hóa	
	Quốc lộ 47 (Km71+500-Km138+500)		67	V, VI	IV	III, IV	Công ty CP QLĐB II Thanh Hóa	
8	Quốc lộ 217 (Km0-Km104+500)	QL.217	104,5	IV, V, VI	III, IV	III	Công ty CP QL&XDĐB I Thanh Hóa	
	Quốc lộ 217 (Km104+500-Km194)		89,5	IV, V, VI	III, IV	III	Công ty CP QLĐB II Thanh Hóa	
9	Quốc lộ 15C	QL.15C	112,4	V, VI	IV	IV	Công ty CP QLĐB II Thanh Hóa	
10	Quốc lộ 47B	QL.47B	24,6	V, VI	III	III	Công ty CP QL&XDĐB I Thanh Hóa	
11	Quốc lộ 217B	QL.217B	49,7	III, IV, V	III	III	Công ty CP GTCC Thạch Thành	
12	Quốc lộ 47C	QL.47C	54,5	VI	IV	III	Công ty CP QL&XDĐB I Thanh Hóa	
13	Quốc lộ 16 (Km0-Km119)	QL.16	119	VI	IV, VI	IV	Công ty CP QLĐB II Thanh Hóa	
	Quốc lộ 16 (Km119-Km190)		71	VI	IV, VI	IV	Công ty CP XDCT GT2 Thanh Hóa	
B	Hệ thống đường tỉnh		1221,62					
1	Trường Thi- Hàm Rồng	501	4,5	Đô thị	Đô thị	Đô thị	Công ty CP XD Giao thông I	Sở GTVT
2	Đình Hương- Giàng- Thiệu Đô (Km0-Km3)	502	3	IV, VI	III, IV	III, IV	Công ty CP XD Giao thông I	
	Đình Hương- Giàng- Thiệu Đô (Km3-Km14+500)		11,5	IV, VI	III, IV	III, IV	Đội QLĐB huyện Thiệu Hóa	
3	Quốc lộ 47- Cảng Thanh Hóa	503	2	IV	QH theo mặt cắt quy hoạch(Bn=33m, Bm=15m)		Công ty CP XD Giao thông I	
4	Quảng Bình- Quảng Yên	504	11,3	VI	IV	IV		UBND huyện Quảng Xương

TT	Tên đường	Số hiệu	Chiều dài (Km)	Cấp đường hiện trạng	Cấp đường quy hoạch		Đơn vị quản lý	Cơ quan quản lý
					Năm 2020	Định hướng năm 2030		
5	Chuối- Thanh Tân	505	28,3	V	IV, V	IV		UBND huyện Nông Cống
6	TT Thiệu Hóa- Xuân Vinh- Xuân Lam (Km0-Km12)	506B	12	VI	IV, VI	IV	Đội QLDB huyện Thiệu Hóa	Sở GTVT
	TT Thiệu Hóa- Xuân Vinh- Xuân Lam (Km12-Km26)		14	VI	IV, VI	IV	Đội QLSC ĐB Thọ Xuân	
6	TT Thiệu Hóa- Xuân Vinh- Xuân Lam (Km26-Km34)	506B	8	VI	IV, VI	IV	Công ty CP QL&XDĐB I Thanh Hóa	
7	Yên Phong- Cầu Bụt	506C	10,77	VI	IV	IV	Công ty CPXD&QLGT Yên Định	
8	Hà Ninh- Ngã Ba Hạnh	508	14	VI	Nâng lên quốc lộ (III)		Công ty CP XD Giao thông 1	
9	Nghĩa Trang- Chợ Phú	509	5,2	V, IV	IV	IV		UBND huyện Hoằng Hóa
10	Hoàng Long- Hoàng Đại- Ngã Tư Gòong - Chợ Vực (Km0-Km9+500)	510	9,5	V	IV	III, IV	Đội GTVT huyện Hoằng Hóa	Sở GTVT
	Hoàng Long- Hoàng Đại- Ngã Tư Gòong - Chợ Vực (Km9+500-Km22)		12,5	V	IV	III, IV		UBND huyện Hoằng Hóa
11	Hoàng Trường - Hoàng Phụ	510B	15	V	V	IV		
12	Ngã Ba Môi- Núi Chẹt	511	14,3	III, IV	III	III	Công ty CP QL&XDĐB I Thanh Hóa	Sở GTVT
13	Tân Dân- Chuồng	512	13,4	VI	IV	IV		UBND huyện Tĩnh Gia
	Vạn Thiện- Tượng Sơn		13,5	VI	IV,VI	IV		UBND huyện Nông Cống
14	Cầu Hồ - Nghi Sơn	513	14,02	IV, III	Đô thị (Bn=60m, Bm=2x15)		Công ty CP QL&XDĐB I Thanh Hóa	Sở GTVT
15	Cầu Thiều - Thượng Ninh (Km0-Km15+400)	514	15,4	V,VI	IV, VI	IV		UBND huyện Triệu Sơn
	Cầu Thiều - Thượng Ninh (Km15+400-Km33+400)		18	V,VI	IV, VI	IV	Công ty CP QL&XDĐB I Thanh Hóa	Sở GTVT
16	Ngã Ba Sim - Xuân Thắng	514B	14	VI	IV, VI	IV		UBND huyện Triệu Sơn
17	Ngã Ba Chè- Hạnh Phúc	515	22,4	VI	IV	IV		UBND huyện Thiệu Hóa
18	Hạnh Phúc- Yên Bái	515D	1,5	V, VI	IV	IV		UBND huyện Thọ Xuân
19	Thiệu Lý - Đông Hoàng (Km0-Km2)	515B	2	VI	IV	IV	Đội QLDB huyện Thiệu Hóa	Sở GTVT
	Thiệu Lý - Đông Hoàng (Km2-Km4)		2	VI	IV	IV		UBND huyện Thiệu Hóa
20	Đu- Thọ Vực	515C	4	VI	VI	IV		
21	Kim Tân- Thạch Định- Thạch Quảng	516	26,2	V	IV, V	IV		UBND huyện Thạch Thành

TT	Tên đường	Số hiệu	Chiều dài (Km)	Cấp đường hiện trạng	Cấp đường quy hoạch		Đơn vị quản lý	Cơ quan quản lý
					Năm 2020	Định hướng năm 2030		
22	Kim Tân-Vĩnh Hùng-TT Quán Lào-TTNT Thống Nhất-Phố Châu (Km0-Km16)	516B	16	V,VI	IV, VI	IV	Công ty CP GTCC Thạch Thành	Sở GTVT
	Kim Tân-Vĩnh Hùng-TT Quán Lào-TTNT Thống Nhất-Phố Châu (Km16-Km43+350)		27,35	V,VI	IV, VI	IV	Cty CPXD&QLGT Yên Định	
	Kim Tân-Vĩnh Hùng-TT Quán Lào-TTNT Thống Nhất-Phố Châu (Km43+350-Km57+350)		14	V,VI	IV, VI	IV	Công ty CP QLDB II Thanh Hóa	
23	Thiệu Phú- Định Thành-Định Tân (Km0-Km8)	516C	8	V,VI	V	IV	Đội QLDB huyện Thiệu Hóa	Sở GTVT
	Thiệu Phú- Định Thành-Định Tân (Km8-Km28+320)		20,32	V,VI	V	IV	Cty CPXD&QLGT Yên Định	
	Thiệu Phú- Định Thành-Định Tân (đoạn Định Bình - Định Thành)	516C	7	VI	IV	IV	Cty CPXD&QLGT Yên Định	
24	Định Tiến - Yên Hùng	516D	21,3	VI	IV	IV	Công ty TNHH Sơn Đào	Sở GTVT
25	Cầu Trâu- Nưa	517	12,7	VI	IV	IV	Công ty CP QL&XDDB I Thanh Hóa	
26	Kiểu-Ấn Đổ (Km0-Km12+300)	518	12,3	VI	IV, VI	IV	Công ty TNHH Sơn Đào	UBND huyện Cẩm Thủy
	Kiểu-Ấn Đổ (Km12+300-Km23+600)		11,3	VI	IV, VI	IV		
27	Cầm Sơn- Quý Lộc- Kiểu (Km0-Km17+270)	518B	17,27	V,VI	IV, VI	IV	XN GTXD Cẩm Thủy	Sở GTVT
	Cầm Sơn- Quý Lộc- Kiểu (Km17+270-Km27)		9,73	V,VI	IV, VI	IV	Cty CPXD&QLGT Yên Định	
28	Mục Sơn- Hón Can	519	24,5	III, IV	III	III	Công ty CP QL&XDDB I Thanh Hóa	Sở GTVT
29	Luận Thành- Bù Đồn	519B	38	VI	VI	V		
30	Sim - TT Bến Sung - Thanh Tân	520	48	VI	IV	IV		UBND huyện Như Thanh
31	Xuân Quý - Thanh Quân	520B	24,73	VI	VI	IV	Công ty TNHH XD Trường Thanh	Sở GTVT
32	Vạn Mai- Trung Sơn	521	24	VI	IV, VI	IV	Công ty CP QLDB II Thanh Hóa	
33	Cành Nàng - Lũng Cao	521B	34,16	GTNT loại A	V, GTNT loại A	IV	Công ty CP QL&XDDB I Thanh Hóa	
34	Ban Công - Phú Lệ	521C	36,83	V	IV	IV		
35	Bím Sơn - Hà Long - Hà Lĩnh	522B	22,6	VI	IV	IV	Đội QLDB huyện Hà Trung	
36	Cầu Cừ- Kim Tân- Dốc Trầu - Thạch Quảng	523	33,3	V,VI	IV, VI			UBND huyện Hà Trung và Thạch Thành
37	Cầm Tú- Diên Lư	523B	32	VI	IV, VI	IV	XN GTXD Cẩm Thủy	Sở GTVT
38	Vĩnh Long - Thạch Bình - Cẩm Ngọc	523C	23,9	VI	IV	IV	Công ty CP GTCC Thạch Thành	
39	Ban Công - Lương Nội	523D	32,5	VI	IV	IV	Công ty CP QL&XDDB I Thanh Hóa	
40	Cầm Phong- Cẩm Lương- Cẩm Thủy	523E	15,5	VI	IV	IV		
41	Cầu Báo Vãn- NgTư Sy- Nga Phú	524	24,5	VI	IV, VI	IV		UBND huyện Nga Sơn

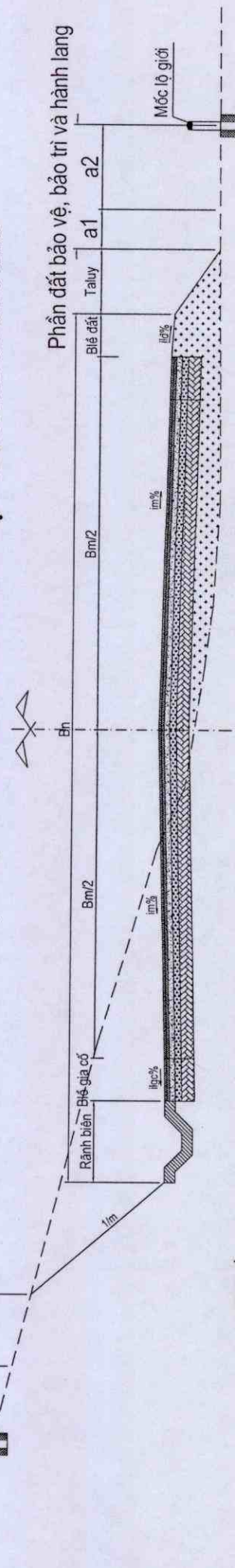
TT	Tên đường	Số hiệu	Chiều dài (Km)	Cấp đường hiện trạng	Cấp đường quy hoạch		Đơn vị quản lý	Cơ quan quản lý
					Năm 2020	Định hướng năm 2030		
42	Chợ Kho - Minh Thọ	525	20	VI	IV	III, IV		UBND huyện Tĩnh Gia
43	Thăng Thọ - Tượng Văn		10,3	VI	IV	IV		UBND huyện Nông Cống
44	Hoa Lộc- Minh Lộc- Hải Lộc- Đa Lộc	526	30,5	IV, VI	IV, VI	IV		UBND huyện Hậu Lộc
45	Hậu Lộc- Quán Dốc	526B	7,8	VI	IV	IV	Công ty CP XD Giao thông 1	Sở GTVT
46	Cầu Hà Lan- QL10	527	11,64	V	IV	IV		UBND huyện Nga Sơn
47	Tứ Thôn- Mộng Giường	527B	13,5	V,VI	IV	IV	Đội BDCĐ huyện Nga Sơn	Sở GTVT
48	Thị Trấn Hà Trung- Hà Lan	527C	11,4	V	IV	IV	Đội QLGT đường Hà Trung	
49	Quán Lào- Sét- Dốc Lê	528	8	V, VI	IV	IV	Công ty TNHH Sơn Đào	
50	Thanh Tân- Bò Lăn	529	10,5	VI	VI	IV	Công ty CP QL&XDDB I Thanh Hóa	
49	Lang Chánh- Yên Khương	530	43,7	V, VI	IV, VI	IV	Công ty CP QLDB II Thanh Hóa	Sở GTVT
50	Đường Hải Thượng - Lãn Ông		2	Đô thị	Đô thị	Đô thị	Công ty CP XD Giao thông 1	
51	Nhà Máy giấy Châu Lộc		3	V, VI	IV	IV	Công ty CP XD Giao thông 1	
52	Đường tuần tra biên giới (Km0-Km82)		82	VI, GTNT loại A	VI	VI	Công ty CP QLDB II Thanh Hóa	
53	Đường tuần tra biên giới (Km82-Km135+200)		53,2	VI, GTNT loại A	VI	VI	Công ty CP QL&XDDB I Thanh Hóa	

CẮT NGANG ĐIỂN HÌNH GIỚI HẠN PHẠM VI ĐẤT DÀNH CHO ĐƯỜNG BỘ ĐỐI VỚI NỀN ĐƯỜNG ĐẮP



Phần đất bảo vệ, bảo trì và hành lang

CẮT NGANG ĐIỂN HÌNH GIỚI HẠN PHẠM VI ĐẤT DÀNH CHO ĐƯỜNG BỘ ĐỐI VỚI NỀN ĐƯỜNG ĐÀO



GHI CHÚ:

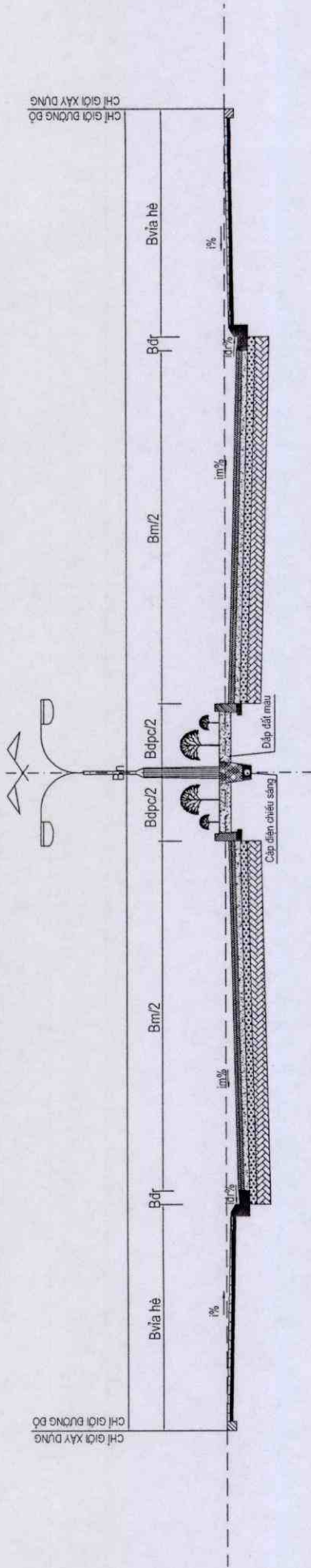
1. Theo Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 20/10/2013

- Giới hạn hành lang an toàn đường bộ được quy định như sau:
- + a2 đối với đường đường đô thị là chỉ giới đường đỏ.
- + a2 đối với đường cao tốc theo khoản 3, khoản 4 điều 1.
- + a2 = 17m đối với đường cấp I, II.
- + a2 = 13m đối với đường cấp III.
- + a2 = 9m đối với đường cấp IV, V.
- + a2 = 4m đối với đường cấp thấp hơn cấp V.
- Phần đất bảo vệ, bảo trì đường bộ được quy định như sau:
- + a1 = 3m đối với đường cao tốc, cấp I, II.
- + a1 = 2m đối với đường cấp III.
- + a1 = 1m đối với đường cấp IV trở xuống.

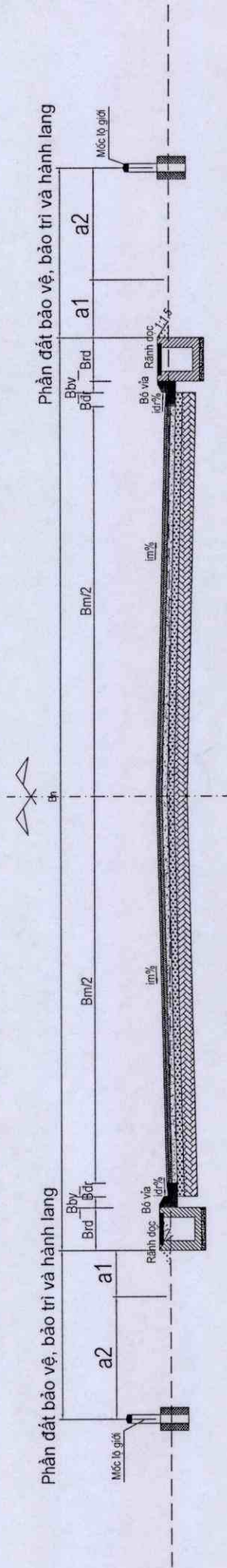
2. Theo Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 15/04/2010

- Giới hạn hành lang an toàn đường bộ được quy định như sau:
- + a2 đối với đường đường đô thị là chỉ giới xây dựng.
- + a2 đối với đường cao tốc ngoài đô thị Bhl=47m, trong đó thị Bhl=40m.
- + a2 = 17m đối với đường cấp I, II.
- + a2 = 13m đối với đường cấp III.
- + a2 = 9m đối với đường cấp IV, V.
- + a2 = 4m đối với đường cấp thấp hơn cấp V.
- Phần đất bảo vệ, bảo trì đường bộ được quy định như sau:
- + a1 = 3m đối với đường cao tốc, cấp I, II.
- + a1 = 2m đối với đường cấp III.
- + a1 = 1m đối với đường cấp IV trở xuống.

CẮT NGANG ĐIỂN HÌNH PHẠM VI GIỚI HẠN ĐẤT DÀNH CHO ĐƯỜNG BỘ ĐỐI VỚI ĐƯỜNG ĐỒ THỊ



CẮT NGANG ĐIỂN HÌNH GIỚI HẠN PHẠM VI ĐẤT DÀNH CHO ĐƯỜNG BỘ ĐỐI VỚI NỀN ĐƯỜNG KHÔNG ĐÀO KHÔNG ĐẤP



GHI CHÚ:

- Theo Nghị định số 100/2013/ND-CP ngày 20/10/2013
 - Giới hạn hành lang an toàn đường bộ được quy định như sau:
 - + a2 đối với đường đô thị là chỉ giới xây dựng.
 - + a2 đối với đường cao tốc theo khoản 3, khoản 4 điều 1.
 - + a2 = 17m đối với đường cấp I, II.
 - + a2 = 13m đối với đường cấp III.
 - + a2 = 9m đối với đường cấp IV, V.
 - + a2 = 4m đối với đường cấp thấp hơn cấp V.
 - Phần đất bảo vệ, bảo trì đường bộ được quy định như sau:
 - + a1 = 3m đối với đường cao tốc, cấp I, II.
 - + a1 = 2m đối với đường cấp III.
 - + a1 = 1m đối với đường cấp IV trở xuống.

2. Theo Nghị định số 11/2010/ND-CP ngày 15/04/2010

- Giới hạn hành lang an toàn đường bộ được quy định như sau:
 - + a2 đối với đường đô thị là chỉ giới xây dựng.
 - + a2 đối với đường cao tốc ngoài đô thị Bhl=47m, trong đó thị Bhl=40m.
 - + a2 = 17m đối với đường cấp I, II.
 - + a2 = 13m đối với đường cấp III.
 - + a2 = 9m đối với đường cấp IV, V.
 - + a2 = 4m đối với đường cấp thấp hơn cấp V.
- Phần đất bảo vệ, bảo trì đường bộ được quy định như sau:
 - + a1 = 3m đối với đường cao tốc, cấp I, II.
 - + a1 = 2m đối với đường cấp III.
 - + a1 = 1m đối với đường cấp IV trở xuống.